

Số:1670/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 06 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội, lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-TB&XH về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ quyết định số 844/QĐ-LĐTBXH ngày 23/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-TB&XH về việc công bố thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 70/TTr-SLĐTBXH ngày 30/7/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội, lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động

thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (có Phụ lục I, II kèm theo).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp xã.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Chủ tịch UBND cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTT);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Nội vụ;
- VP UBND tỉnh;
- + CVP, PCVP Bùi Huy Khánh;
- + TTPVHCC, TTTT;
- + Lưu: VT, NC-KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Sơn**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG –TB&XH BẮC GIANG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết của các cơ quan		Phí, lệ phí đồng	Thực hiện qua dịch vụ		Ghi chú
					Sở lao động – TB&XH	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	1	1.000365	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa (nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	mc	05 ngày	05 ngày	Không quy định	x	x	TTHC số 22 , mục II, phục lục 01, Quyết định 105/QĐ-UBND ngày 17/01/2020

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực/thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
				Theo quy định	sau cắt giảm		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	2.000751.000.00 .00.H02	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	MC	02 ngày	02 ngày	Không	x	x	

Ghi chú: - MC: cơ chế một cửa  
 - Thời gian giải quyết: Ngày làm việc.

## PHẦN II. NỘI DUNG CHI TIẾT TTHC

### 1. Thủ tục Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở

#### a. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Hộ gia đình có Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Bước 2: Trưởng thôn chủ trì họp với đại diện của các tổ chức có liên quan trong thôn để xem xét và gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Trưởng thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định cứu trợ.

**b. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu điều kiện cho phép).

#### c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

\* **Thành phần hồ sơ gồm:**

Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).

\* **Số lượng:** 01.

**d. Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là 02 ngày làm việc.

**e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Hộ gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn về nhà ở theo quy định.

**f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc các cơ quan hành chính cấp trên.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hỗ trợ khẩn cấp về làm nhà ở, sửa chữa nhà ở.

**h. Phí, lệ phí:** Không.

#### i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).

#### k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Những đối tượng được hỗ trợ khẩn cấp về nhà ở:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở.
- Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác.
- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được.

#### m. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

\* *Ghi chú: TTHC được sửa đổi, bổ sung, đơn giản hóa về đối tượng, cách thức thực hiện.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở**

*(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại Điều 15 Nghị định số.....)*

**KÊ KHAI CỦA HỘ GIA ĐÌNH**

1. Họ và tên người đại diện (*Viết chữ in hoa*): .....  
Ngày/tháng/năm sinh: .../.../..... Giới tính: ..... Dân tộc: .....  
Giấy CMND số: ..... Cấp ngày ..... Nơi cấp .....
2. Hộ khẩu thường trú của hộ: .....
3. Số người trong hộ ...người. Trong đó: Người trong độ tuổi lao động ... người
4. Hoàn cảnh gia đình (*Ghi cụ thể có thuộc hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn kinh tế hay không*)  
.....  
.....
5. Tình trạng nhà ở trước khi thiên tai xảy ra (*Ghi cụ thể loại nhà, mức độ sử dụng*);  
.....  
.....
6. Tình trạng thiệt hại về nhà ở (*Ghi cụ thể đã đổ sập, trôi, cháy hoàn toàn, phải di dời nhà ở khẩn cấp, hư hỏng nặng*):  
.....  
.....
7. Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ:  
.....  
.....
- Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Ngày... tháng.... năm.....

**Người khai**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các giấy tờ kèm theo và xác nhận thông tin cá nhân nêu trên của ông (bà) ..... là đúng.

Ngày .... tháng .... năm ...

**CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu)*